



Liên hệ:

Văn Phòng Luật Sư Tô Đình Huy

Địa chỉ: 441/15B Điện Biên Phủ, Phường
25, Quận Bình Thạnh, Tp.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 02838991104 - 0978845617

Tổng đài tư vấn: **1900 6279**

Email: info@luatsuhcm.com

Website: www.luatsuhcm.com

NỘI DUNG

Phần 1: Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với các đối tượng sở hữu công nghiệp

Phần 2: Tóm tắt điểm mới nổi bật của một số văn bản pháp luật có hiệu lực trong tháng

1. Đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam theo Nghị định 07/2017/NĐ-CP
2. Chính sách thuế đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế được thực hiện theo Nghị định 167/2016/NĐ-CP
3. Giao nhận tài liệu, chứng cứ, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử theo Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP
4. Thay đổi, bổ sung nhiều quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước theo Thông tư 333/2016/TT-BTC
5. Thay đổi quy định về lệ phí xin cấp căn cước công dân theo Thông tư 331/2016/TT-BTC
6. Điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội theo Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH

Phần 3: Danh mục các văn bản có hiệu lực trong tháng

Ấn phẩm được đăng tại: Website: www.luatsuhcm.com

PHẦN 1: MỐI QUAN HỆ GIỮA TÊN DOANH NGHIỆP VỚI CÁC ĐỐI TƯỢNG SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP



THs/Luật sư Tô Đình Huy

M: (+84) 987745617

E: info@luatsuhcm.com



Luật sư Nguyễn Thị Ngọc Dung

M: (+84-8)1688469097

E: dungnguyen@luatsuhcm.com

Tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý là một trong những thành tố góp phần vào sự phát triển và thành công của doanh nghiệp. Các đối tượng sở hữu công nghiệp (SHCN) này được coi là yếu tố đầu tiên và quan trọng trong chiến lược xâm nhập và mở rộng thị trường. Trong hoạt động kinh doanh, tên doanh nghiệp có mối quan hệ chặt chẽ với các đối tượng SHCN, do vậy để phát huy hiệu quả các mối quan hệ đó cũng như tránh được những rủi ro, tranh chấp xảy ra, gây thiệt hại trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như uy tín của doanh nghiệp trên thương trường, cần phải có sự nghiên cứu về các mối quan hệ đó.

1. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với tên thương mại

Tên doanh nghiệp là tên đầy đủ được đăng ký khi thành lập doanh nghiệp, bao gồm hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (GCNĐKDN). Hiện nay, theo quy định Luật DN, doanh nghiệp được đăng ký ba tên: tên bằng tiếng Việt; tên bằng tiếng nước ngoài và tên viết tắt. Ngoài những tên gọi theo quy định của Luật DN (Luật DN), doanh nghiệp còn có một loại tên khác là tên thương mại theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ (Luật SHTT).

Tên thương mại là tên gọi của tổ chức, cá nhân dùng trong hoạt động kinh doanh để phân biệt chủ thể kinh doanh mang tên gọi đó với chủ thể kinh doanh khác trong cùng lĩnh vực và khu vực kinh doanh.

Tên thương mại được coi là có khả năng phân biệt nếu đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 76 và Điều 78 Luật SHTT, cụ thể như sau:

(i) Tên thương mại phải chứa thành phần tên riêng, trừ đã được biết đến rộng rãi do sử dụng. Thành phần tên riêng có thể hiểu gồm: Phần mô tả và phần phân biệt. Phần mô tả là một tập hợp các từ có nghĩa mô tả tóm tắt loại hình doanh nghiệp và lĩnh vực kinh doanh, không có khả năng tạo nên tính phân biệt cho tên thương mại. Phần phân biệt để phân biệt chủ thể này với chủ thể khác trong cùng lĩnh vực kinh doanh.

Ví dụ: Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Du lịch Nhật Minh. Tên thương mại này đáp ứng tiêu chí chứa thành phần tên riêng “Nhật Minh” là thành phần phân biệt, còn loại hình doanh nghiệp là Công ty TNHH; thành phần mô tả: “Thương mại đầu tư và du lịch” không được bảo hộ.

(ii) Tên thương mại không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với tên thương mại mà người khác đã sử dụng trước trong cùng lĩnh vực kinh doanh và khu vực kinh doanh.

Tên thương mại là đối tượng SHCN được tự động xác lập chứ không thông qua việc đăng ký cấp văn bằng bảo hộ. Do đó, rất khó để xác định một tên thương mại nào đó đã có doanh nghiệp khác sử dụng trước đó hay chưa để xác định tên thương mại có trùng hoặc tương tự gây nhầm lẫn với tên thương mại đã được bảo hộ trước đó trong cùng lĩnh vực kinh doanh hay khu vực kinh doanh. Chỉ khi có tranh chấp xảy ra thì chủ sở hữu tên thương mại mới đưa ra bằng chứng chứng minh việc sử dụng hợp pháp tên thương mại của mình trong phạm vi khu vực, địa bàn, lĩnh vực kinh doanh liên quan, lúc đó cơ quan có thẩm quyền mới xác định được tên thương mại có đáp ứng được điều kiện bảo hộ hay không.

(iii) Tên thương mại không trùng hoặc tương tự đến mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác hoặc với chỉ dẫn địa lý đã được bảo hộ trước ngày tên thương mại đó được sử dụng.

Tên thương mại được bảo hộ theo quy định của Luật SHTT có nhiều nét tương đồng với tên doanh nghiệp được bảo hộ theo Luật DN. Luật DN cũng yêu cầu tên doanh nghiệp phải có ít nhất hai thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, cũng như không được trùng hoặc gây nhầm lẫn với tên của doanh nghiệp đã đăng ký. Đồng thời, Luật DN và Luật SHTT đều không cho phép dùng tên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp hoặc chủ thể khác để làm tên doanh nghiệp hay tên thương mại.

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là tên thương mại có phải là tên doanh nghiệp không? Hiện chưa có một văn bản nào xác nhận hai vấn đề này. Theo quan điểm của tác giả, mặc dù tên doanh nghiệp và tên thương mại, dù có nhiều điểm tương đồng trong cách sử dụng, nhưng giữa chúng có một số điểm khác biệt:

Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh: Tên doanh nghiệp được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn tên thương mại được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

Thứ hai, về các yếu tố cấu thành: Tên doanh nghiệp phải có 02 thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN. Tên thương mại không có quy định về các thành tố cấu thành, nhưng quy định phải chứa thành phần tên riêng, trừ trường hợp được biết đến rộng rãi do sử dụng.

Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền: Quyền đối với tên doanh nghiệp phát sinh khi doanh nghiệp được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền SHCN đối với tên thương mại được xác lập trên cơ sở sử dụng hợp pháp, mà không cần đăng ký với cơ quan nào.

Thứ tư, về phạm vi bảo hộ: Tên doanh nghiệp được bảo hộ trong phạm vi toàn quốc, còn tên thương mại chỉ được bảo hộ trong lĩnh vực và khu vực kinh doanh nhất định (phụ thuộc vào chứng cứ sử dụng do chủ thể quyền cung cấp).

Vấn đề đặt ra là doanh nghiệp có thể có nhiều tên thương mại hay chỉ có một tên thương mại duy nhất? Vấn đề này cũng đang bị bỏ ngỏ. Như đã phân tích ở trên, Luật SHTT không cấm doanh nghiệp cùng lúc

sử dụng từ hai tên thương mại trở lên. Theo hướng đó, doanh nghiệp có quyền sử dụng hơn một tên thương mại, miễn là doanh nghiệp chứng minh việc sử dụng hợp pháp tên thương mại của mình theo quy định của Luật SHTT.

Ở Việt Nam hiện nay, tên doanh nghiệp thường là tên thương mại. doanh nghiệp thường xuyên sử dụng tên tiếng Việt, tên tiếng nước ngoài hoặc tên viết tắt của doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Ví dụ: Tổng Công ty Dược Việt Nam thường sử dụng tên tiếng Việt là Tổng Công ty Dược Việt Nam và tên viết tắt là VINAPHARM trong hoạt động kinh doanh lĩnh vực dược phẩm, ổn định, lâu dài, được người tiêu dùng biết đến rộng rãi, đáp ứng các điều kiện bảo hộ là tên thương mại theo quy định của Luật SHTT. Do vậy, Tổng Công ty Dược Việt Nam có hai tên thương mại là Tổng Công ty Dược Việt Nam và VINAPHARM; hoặc Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu được thành lập ngày 29/8/2002, là nhà cung cấp các giải pháp tổng thể cửa hàng đầu tại Việt Nam. Công ty CP Cửa sổ nhựa Châu Âu sử dụng 02 tên thương mại trong hoạt động kinh doanh, đó là Công ty CP cửa sổ nhựa Châu Âu và EUROWINDOW.

2. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với nhãn hiệu

Trong nền kinh tế thị trường khá đa dạng như hiện nay thì người tiêu dùng sẽ có nhiều cơ hội để chọn lựa cho mình những sản phẩm phù hợp nhất và theo họ là tốt nhất. Điều đó cũng có nghĩa nhà sản xuất phải chấp nhận một cuộc cạnh tranh khốc liệt để xây dựng và bảo vệ thương hiệu của mình. Khi đã đăng ký bảo hộ nhãn hiệu với cơ quan nhà nước thì đây chính là xác lập cơ sở pháp lý cho việc xác định quyền sở hữu của doanh

nh nghiệp với nhãn hiệu đó, đây là quyền độc quyền trong phạm vi lãnh thổ mà nhãn hiệu được bảo hộ.

Nhãn hiệu là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Tại Việt Nam, một dấu hiệu được bảo hộ là nhãn hiệu nếu chúng đáp ứng các quy định về điều kiện bảo hộ được quy định tại Điều 72 Luật SHTT, theo đó, nhãn hiệu: (i) phải là các dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc; (ii) các dấu hiệu này phải có khả năng phân biệt. Để cụ thể hóa điều khoản này, Điều 73 Luật SHTT có quy định chi tiết về các dấu hiệu không được bảo hộ dưới danh nghĩa nhãn hiệu và Điều 74 Luật SHTT quy định về các trường hợp theo đó nhãn hiệu được coi là có khả năng phân biệt. Nếu nhãn hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, có khả năng gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng thì được coi là không có khả năng phân biệt.

Tên doanh nghiệp là tên gọi của doanh nghiệp dùng để xưng danh trong hoạt động kinh doanh. Trong thực tiễn, có rất nhiều doanh nghiệp lấy thành phần tên riêng của doanh nghiệp đăng ký bảo hộ là nhãn hiệu. Đây chính là xác lập cơ sở pháp lý cho việc xác định quyền sở hữu của doanh nghiệp với nhãn hiệu đó, khẳng định quyền độc quyền đối với nhãn hiệu trong phạm vi lãnh thổ mà nhãn hiệu được bảo hộ. Doanh nghiệp có toàn quyền khai thác, sử dụng nhãn hiệu đã được bảo hộ và được pháp luật bảo vệ theo quy định của pháp luật.

Ví dụ: Công ty cổ phần sữa Việt Nam Vinamilk, thì “Vinamilk” vừa là thành tố cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, vừa là nhãn hiệu được

bảo hộ. Nhãn hiệu “Vinamilk” được đánh giá là nhãn hiệu dẫn đầu tại Việt Nam năm 2006.

Đối với các tập đoàn, các doanh nghiệp hoạt động kinh doanh trên toàn cầu, để khẳng định uy tín, vị thế của mình trên thương trường, các doanh nghiệp đều có chiến lược xây dựng và phát triển tài sản trí tuệ của mình, thường thì thành phần tên riêng của doanh nghiệp trùng với nhãn hiệu đăng ký bảo hộ, ví dụ: Hyundai, Mishubishi, Honda, Yamaha, AEON, Intel, DKSH...

Theo quan điểm của tác giả, mặc dù tên doanh nghiệp và nhãn hiệu có mối tương quan với nhau, tuy nhiên giữa chúng có một số điểm khác biệt:

Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh: Tên doanh nghiệp được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn nhãn hiệu được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

Thứ hai, về các yếu tố cấu thành: Tên doanh nghiệp phải có 02 thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN. Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu. Trong khi đó, nhãn hiệu là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc. Như vậy, các yếu tố cấu thành của nhãn hiệu rộng hơn các yếu tố cấu thành của tên doanh nghiệp vì không chỉ là dấu hiệu dưới dạng chữ cái mà còn có thể là dấu hiệu hình, màu sắc.

Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền: Quyền đối với tên doanh nghiệp phát sinh khi doanh nghiệp được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền

SHCN đối với nhãn hiệu được xác lập trên cơ sở quyết định cấp VBBH hoặc công nhận đăng ký quốc tế theo quy định của Điều ước quốc tế; đối với nhãn hiệu nổi tiếng, quyền sở hữu được xác lập trên cơ sở sử dụng, không phụ thuộc vào thủ tục đăng ký.

Thứ tư, về chức năng: Tên doanh nghiệp nhằm phân biệt chủ thể kinh doanh này với chủ thể kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc. Trong khi, nhãn hiệu nhằm phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ thể kinh doanh này với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể kinh doanh khác đối với cùng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

Thứ năm, về phạm vi bảo hộ: Tên doanh nghiệp có phạm vi bảo hộ trong toàn quốc, được kinh doanh trong ngành nghề mà doanh nghiệp đăng ký kinh doanh còn nhãn hiệu có phạm vi bảo hộ trên toàn quốc, đối với nhóm sản phẩm, dịch vụ được cấp trong GCNĐKNH.

3. Mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp với chỉ dẫn địa lý

Chỉ dẫn địa lý đã và đang được nhiều quốc gia trên thế giới xây dựng, phát triển và sử dụng như một bằng chứng bảo đảm với người tiêu dùng về nguồn gốc, chất lượng sản phẩm, mà còn là công cụ hữu hiệu để quảng bá, nâng cao hình ảnh và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý.

Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ dẫn sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể (Khoản 22 Điều 4 Luật SHTT).

Theo quy định của pháp luật Việt Nam, chỉ dẫn địa lý được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau đây: (i) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có nguồn gốc địa lý từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương

ứng với chỉ dẫn địa lý; (ii) Sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý có danh tiếng, chất lượng hoặc đặc tính chủ yếu do điều kiện địa lý của khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hoặc nước tương ứng với chỉ dẫn địa lý đó quyết định.

Phú Quốc là chỉ dẫn địa lý đầu tiên được Cục Sở hữu công nghiệp (nay là Cục SHTT) cấp Giấy chứng nhận tên gọi xuất xứ nước mắm (nay gọi là Giấy chứng nhận chỉ dẫn địa lý) từ ngày 01/6/2001. Quyền sở hữu chỉ dẫn địa lý thuộc về UBND tỉnh Kiên Giang. Pháp luật nghiêm cấm bất kỳ ai sử dụng chỉ dẫn địa lý “Phú Quốc” đang được bảo hộ để cấu thành tên riêng của doanh nghiệp, trừ trường hợp được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.

Theo quan điểm của tác giả, mặc dù tên doanh nghiệp và chỉ dẫn địa lý cũng có mối tương quan với nhau, tuy nhiên giữa chúng có một số điểm khác biệt:

Thứ nhất, về pháp luật điều chỉnh: Tên doanh nghiệp được Luật DN bảo vệ như một thành phần cấu thành tư cách pháp lý của doanh nghiệp, còn chỉ dẫn địa lý được Luật SHTT bảo hộ với tư cách là đối tượng SHCN.

Thứ hai, về các yếu tố cấu thành: Tên doanh nghiệp phải có 02 thành tố là loại hình doanh nghiệp và tên riêng, được ghi rõ trong GCNĐKDN. Khác với tên doanh nghiệp, chỉ dẫn địa lý là từ ngữ, biểu tượng, hình ảnh, ... chỉ rõ một quốc gia hoặc một vùng lãnh thổ, địa phương thuộc một

quốc gia mà đặc trưng về chất lượng, uy tín, danh tiếng hoặc các đặc tính khác của loại hàng hóa này chủ yếu là do nguồn gốc địa lý tạo nên.

Thứ ba, về căn cứ xác lập quyền: Quyền đối với tên doanh nghiệp phát sinh khi doanh nghiệp được cấp GCNĐKDN, trong khi đó quyền sở hữu công nghiệp đối với chỉ dẫn địa lý được xác lập trên cơ sở quyết định cấp VBBH.

Thứ tư, về phạm vi bảo hộ: Tên doanh nghiệp có phạm vi bảo hộ trong toàn quốc, được kinh doanh trong ngành nghề mà pháp luật không cấm. Chỉ dẫn địa lý có phạm vi bảo hộ trên toàn quốc, đối với nhóm sản phẩm, dịch vụ được cấp trong VBBH.

Thứ năm, mối quan hệ giữa hàng hóa và chỉ dẫn địa lý: Tên doanh nghiệp: được gắn lên bất kỳ sản phẩm, hàng hóa nào do doanh nghiệp sản xuất ở bất kỳ địa điểm kinh doanh nào của doanh nghiệp. Trong mối quan hệ với hàng hóa, chỉ dẫn địa lý được gắn lên sản phẩm, hàng hóa mà một hoặc một số hoặc toàn bộ quá trình sản xuất hàng hóa đó được thực hiện ở một vùng địa lý đó.

Như vậy, tên doanh nghiệp và các đối tượng SHCN có nhiều mối liên hệ mật thiết với nhau. Thông qua nghiên cứu, tìm hiểu mối quan hệ giữa tên doanh nghiệp và các đối tượng SHCN, doanh nghiệp có thể nhận diện được các rủi ro pháp lý có thể phát sinh. Song song đó, vận dụng mối quan hệ này, doanh nghiệp có thể tạo lợi thế về hình ảnh của doanh nghiệp, phát triển thương hiệu nhằm mang lại những lợi ích trong kinh doanh./.

PHẦN 2: ĐIỂM MỚI NỔI BẬT CỦA MỘT SỐ VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

1. Đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam

Nghị định 07/2017/NĐ-CP có hiệu lực từ ngày 01/2/2017 có nhiều điểm mới nhằm đơn giản hóa thủ tục cấp thị thực cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam. Trong đó, vấn đề nổi bật thu hút nhiều quan tâm của người nước ngoài là việc thí điểm cấp thị thực điện tử cho công dân các nước nhập cảnh vào Việt Nam. Các nội dung nổi bật như sau:

- i. Danh mục các nước có công dân được áp dụng chương trình thí điểm quy định tại Phụ lục I Nghị định, bao gồm 40 quốc gia, điển hình như: Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc, Tây Ban Nha, Thụy Điển, Pháp, Phi-líp-pin, Anh, Ý, Mỹ, Đức;
- ii. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý rằng, việc cấp thị thực điện tử chỉ áp dụng tại một số cửa khẩu quốc tế nêu tại Phụ lục II Nghị định, gồm: Sân bay Nội Bài, Tân Sơn Nhất, sân bay Cam Ranh, Đà Nẵng, Cát Bi, sân bay Cần Thơ, Phú Quốc, Phú Bài, các cửa khẩu đường bộ và đường biển khác;
- iii. Hồ sơ cấp thị thực: người nước ngoài chỉ cần có hộ chiếu hợp lệ, không cần các điều kiện khác như thư mời, bảo lãnh...;
- iv. Thời gian giải quyết hồ sơ cấp thị thực điện tử là 03 ngày làm việc thay vì 05 ngày làm việc như thủ tục thông thường;
- v. Cơ quan có thẩm quyền cấp thị thực điện tử là Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ công an. Đây là cơ quan được ấn định duy nhất có thẩm quyền cấp thị thực điện tử thay cho việc phân chia thẩm

quyền theo khu vực và đối tượng nhập cảnh trong thủ tục thông thường;

- vi. Phí: lệ phí cấp thị thực phụ thuộc vào số lần và thời gian có hiệu lực của thị thực.

2. Chính sách thuế đối với hàng hóa tại cửa hàng miễn thuế

Chính sách thuế đối với hàng hóa bán tại cửa hàng miễn thuế được thực hiện theo Nghị định 167/2016/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15/02/2017. Theo đó:

- i. Hàng hóa tạm nhập khẩu để bán tại cửa hàng miễn thuế được miễn thuế nhập khẩu và không chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng (GTGT);
- ii. Hàng hóa sản xuất tại Việt Nam đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được hưởng các chính sách thuế như đối với hàng hóa tạm xuất;
- iii. Hàng hóa nhập khẩu đã nộp thuế nhập khẩu đưa vào bán tại cửa hàng miễn thuế được xử lý số tiền thuế nộp thừa theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

3. Giao nhận tài liệu, chứng cứ, cấp, tổng đạt văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử

Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo

văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành có hiệu lực từ 15/02/2017.

Theo đó, để thực hiện các giao dịch điện tử với Tòa án:

- i. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng phải có địa chỉ thư điện tử, chữ ký điện tử, đăng ký giao dịch thành công theo quy định và đáp ứng các điều kiện khác theo quy định;
- ii. Các thông điệp dữ liệu điện tử được sử dụng trong các giao dịch điện tử với Tòa án phải được định dạng theo quy định về giao dịch điện tử. Nghị quyết 04/HĐTP quy định các thông điệp dữ liệu điện tử phải được ký bằng chữ ký điện tử;
- iii. Người khởi kiện, người tham gia tố tụng có thể được thực hiện giao dịch điện tử với Tòa án 24 giờ trong ngày và 7 ngày trong tuần, không kể thời gian nghỉ lễ, tết. Ngày gửi dữ liệu được xác định theo ngày mà Cổng thông tin điện tử của Tòa án nhận được dữ liệu;
- iv. Trong quá trình thực hiện giao dịch điện tử, nếu xảy ra các sự cố do lỗi hệ thống hoặc tại Cổng thông tin điện tử thì tuân theo các hướng dẫn tại Điều 9 Nghị quyết này.

Ngoài ra, người khởi kiện, người tham gia tố tụng cần lưu ý thủ tục đăng ký, thay đổi, bổ sung thông tin, ngừng giao dịch điện tử với Tòa án để tránh sai sót làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của mình:

- i. Tòa án phải có thông báo xác nhận về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận đối với các yêu cầu đăng ký, thay đổi, bổ sung thông tin, ngừng giao dịch điện tử với Tòa án;
- ii. Với trường hợp nhận thông điệp dữ liệu điện tử do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo thì người khởi kiện, người tham gia tố tụng phải nộp đơn đăng ký trực tiếp tại Tòa án. Tài khoản thực hiện giao dịch hết hiệu lực sử dụng trong vòng 6 tháng kể từ ngày ban hành bản án, quyết định xét xử.

4. Thay đổi, bổ sung nhiều quy định về tiền thuê đất, thuê mặt nước

Thông tư 333/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 77/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 46/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước có hiệu lực vào ngày 10/02/2017. Thông tư có nhiều điểm mới về xác định tiền thuê đất; áp dụng miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiêu biểu:

Đối với đất thuê trả tiền thuê đất hàng năm nhưng có một số năm đã hoàn thành nghĩa vụ tài chính do được cản trừ từ số tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng đã ứng trước hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, tiền thuê đất được xác định trong một số trường hợp cụ thể như sau:

- i. Chuyển sang thuê đất trả tiền một lần cho cả thời gian thuê: số tiền thuê đất phải nộp được xác định căn cứ vào đơn giá đất thuê trả tiền một lần được xác định tại thời điểm cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển sang thuê đất trả tiền một lần

cho cả thời gian thuê còn lại (đã trừ thời gian hoàn thành nghĩa vụ tài chính) và diện tích đất phải nộp tiền thuê;

- ii. Chuyển nhượng dự án hoặc chuyển nhượng tài sản thuộc sở hữu của mình trên đất gắn liền với đất thuê theo quy định của pháp luật: người nhận chuyển nhượng được kế thừa và tiếp tục được trừ tiền bồi thường, giải phóng mặt bằng hoặc tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn lại tương ứng với thời gian đã thực hiện quy đổi chưa được trừ hết vào số tiền thuê đất phải nộp.

Đối với trường hợp được cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm trước ngày 27/12/2015, thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất nhưng nay không thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê đất thì vẫn thực hiện như mức cũ.

Đồng thời, Thông tư cũng quy định bổ sung một số trường hợp được miễn tiền thuê đất, thuê mặt nước:

- i. Trường hợp được cho thuê đất trả tiền hàng năm nhưng phải tạm ngừng dự án từ 01/7/2015 trở về sau do các nguyên nhân bất khả kháng thì được miễn tiền thuê đất trong thời gian tạm ngừng hoạt động để khắc phục hậu quả. Số tiền thuê đất được miễn bằng với số tiền thuê đất phải nộp nếu không bị ngừng tương ứng với thời gian tạm ngừng;
- ii. Các dự án nếu giải ngân ít nhất 6.000 tỷ đồng trong vòng 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư;

- iii. Dự án tại nông thôn sử dụng từ 500 lao động;
- iv. Doanh nghiệp khoa học và công nghệ, nhà đầu tư thuê đất để xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, xây dựng nhà ở cho công nhân của các khu công nghiệp.

5. Thay đổi quy định về lệ phí xin cấp căn cước công dân

Thông tư 331/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 256/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017. Theo đó, Thông tư có một số điểm mới:

- i. Trong trường hợp đề nghị cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân mới phải nộp lệ phí và không phải nộp lệ phí khi yêu cầu cấp mới căn cước công dân;
- ii. Giảm độ tuổi thu lệ phí khi đề nghị cấp căn cước công dân: thu phí đối với người từ 14 tuổi thay vì từ 16 tuổi như Thông tư 256/2016/TT-BTC quy định;
- iii. Bãi bỏ quy định thu lệ phí khi cấp đổi căn cước công dân vào các năm 25, 40, 60 tuổi;

Lưu ý: Thông tư này áp dụng đối với hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân được nộp từ ngày 01/01/2017.

6. Điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội

Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội có hiệu lực từ ngày 11/02/2017. Theo đó:

- i. Đối tượng áp dụng của Thông tư là người lao động hưởng lương do người sử dụng lao động quyết định, đang tham gia bảo hiểm xã hội hoặc đang bảo lưu thời gian tham gia bảo hiểm xã hội mà hưởng hưu, trợ cấp một lần khi nghỉ hưu, bảo hiểm xã hội một lần hoặc trợ cấp tuất một lần từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2017 và người được điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội là người tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện hưởng các chế độ như trên từ 01/01/2017 đến 31/12/2017;
- ii. Lương tháng đóng bảo hiểm xã hội được điều chỉnh theo công thức sau:
$$\text{Tiền lương tháng đóng BHXH sau điều chỉnh của từng năm} = \text{Tổng tiền lương tháng đóng BHXH theo chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định của từng năm} \times \text{Mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH của năm tương ứng};$$

Trong đó, mức điều chỉnh tiền lương đã đóng BHXH từng năm từ 2017 trở về trước được quy định cụ thể trong Bảng 1 tại Thông tư số 42/TT-BLĐTBXH, điển hình như, mức điều chỉnh lương đóng BHXH năm 2016, 2017 là 1, mức điều chỉnh năm 2014, 2015 là 1,03, mức điều chỉnh năm 2013 là 1,08;

- iii. Người vừa có thời gian tham gia bảo hiểm xã hội theo mức lương do người sử dụng lao động quyết định vừa có thời gian tham gia bảo hiểm theo chế độ tiền lương do Nhà nước quyết định cũng thực hiện theo mức điều chỉnh tiền lương đóng BHXH như trên;
- iv. Tương tự thì người đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cũng được điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng BHXH theo mức điều chỉnh tại Bảng 2 trong Thông tư số 42/2016/TT-BLĐTBXH. Điển hình như mức điều chỉnh thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội của năm 2017, 2016 là 1, của năm 2015 và 2014 là 1,03, mức điều chỉnh của năm 2013 là 1,08. Người vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc vừa có thời gian đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cũng thực hiện theo mức điều chỉnh này.

PHẦN 3: DANH MỤC CÁC VĂN BẢN PHÁP LUẬT CÓ HIỆU LỰC TRONG THÁNG

4. Nghị quyết 30/2016/QH14 thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam do Quốc hội ban hành, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

5. Nghị quyết 19-2017/NQ-CP về tiếp tục thực hiện nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2017, định hướng đến năm 2020 do Chính phủ ban hành, có hiệu lực vào ngày 06/02/2017;

6. Nghị quyết 04/2016/NQ-HĐTP hướng dẫn quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 92/2015/QH13, Luật tố tụng hành chính 93/2015/QH13 về gửi, nhận đơn khởi kiện, tài liệu, chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng bằng phương tiện điện tử do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

7. Nghị quyết 01/2017/NQ-HĐTP biểu mẫu trong tố tụng dân sự do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Ban hành ngày 13/01/2017, có hiệu lực vào ngày: 24/02/2017;

8. Nghị quyết 02/2017/NQ-HĐTP biểu mẫu trong tố tụng hành chính do Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành, có hiệu lực vào ngày 24/02/2017;

9. Nghị định 02/2017/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh, có hiệu lực vào ngày 25/02/2017;

10. Nghị định 07/2017/NĐ-CP quy định trình tự, thủ tục thực hiện thí điểm cấp thị thực điện tử cho người nước ngoài nhập cảnh Việt Nam, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

11. Nghị định 167/2016/NĐ-CP về kinh doanh hàng miễn thuế, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

12. Nghị định 168/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về khoán rừng, vườn cây và diện tích mặt nước trong các Ban quản lý rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên nông, lâm nghiệp Nhà nước, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

13. Nghị định 172/2016/NĐ-CP của Chính phủ về việc sửa đổi Nghị định 67/2014/NĐ-CP ngày 07/07/2014 của Chính phủ về một số chính sách phát triển thủy sản, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

14. Nghị định 173/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thanh tra ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

15. Nghị định 175/2016/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 86/2013/NĐ-CP về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

16. Thông tư 02/2017/TT-BQP quy định về hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành, có hiệu lực vào ngày 20/02/2017;

17. Thông tư 03/2016/TT-TTCT của Thanh tra Chính phủ quy định về trang phục đối với cán bộ, công chức làm nhiệm vụ tiếp công dân thường xuyên tại Trụ sở tiếp công dân, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

18. Thông tư 12/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định về điều kiện chuyên môn tổ chức tập luyện và thi đấu môn Golf, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

19. Thông tư 16/2016/TT-BKHĐT hướng dẫn lập hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất do Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành, có hiệu lực vào ngày 06/02/2017;

20. Thông tư 16/2016/TT-BVHTTDL của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc hướng dẫn thực hiện Quyết định 650/QĐ-TTg ngày 25/04/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tiếp tục hỗ trợ hoạt động sáng tạo tác phẩm, công trình văn học nghệ thuật, báo chí ở Trung ương và các Hội Văn học nghệ thuật địa phương; hỗ trợ tác phẩm báo chí chất lượng cao ở các Hội Nhà báo địa phương giai đoạn 2016-2020, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

21. Thông tư 21/2016/TT-BKHCN của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành sửa đổi 1:2016 QCVN 4:2009/BKHCN Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về An toàn thiết bị và điện tử, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

22. Thông tư 26/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh, tổ chức bồi dưỡng, xét chọn và phân

bổ vào học trình độ đại học; cao đẳng sư phạm, trung cấp sư phạm đối với học sinh hệ dự bị đại học, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

23. Thông tư 27/2016/TT-BXD hướng dẫn Nghị định 117/2015/NĐ-CP về xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

24. Thông tư 27/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc quy định thời hạn bảo quản tài liệu chuyên môn nghiệp vụ của ngành Giáo dục, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

25. Thông tư 28/2016/TT-BXD sửa đổi Thông tư 10/2015/TT-BXD quy định việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ quản lý vận hành nhà chung cư, Thông tư 11/2015/TT-BXD quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản, việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản và quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư kèm theo Thông tư 02/2016/TT-BXD, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

26. Thông tư 28/2016/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/07/2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

27. Thông tư 29/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 41/2015/TT-BCT ngày 24/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

28. Thông tư 29/2016/TT-BXD quy trình kiểm định kỹ thuật an toàn đối với cần trục tháp, máy vận thăng và sàn treo nâng người sử dụng trong thi công xây dựng do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

29. Thông tư 30/2016/TT-BXD hướng dẫn hợp đồng thiết kế - cung cấp thiết bị công nghệ và thi công xây dựng công trình do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, có hiệu lực vào ngày 20/02/2017;

30. Thông tư 31/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đường ống dẫn khí đốt cố định bằng kim loại, có hiệu lực vào ngày 03/02/2017;

31. Thông tư 31/2016/TT-BXD quy định việc phân hạng và công nhận hạng nhà chung cư do Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

32. Thông tư 33/2016/TT-NHNN quy định về tỷ lệ khoản thu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

33. Thông tư 33/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về các tỷ lệ khoản thu của Công ty Quản lý tài sản của

các tổ chức tín dụng Việt Nam đối với khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

34. Thông tư 34/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định việc cung cấp thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

35. Thông tư 34/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về quy hoạch phân kênh tần số vô tuyến điện cho nghiệp vụ Cố định băng tần 57-66 GHz, có hiệu lực từ ngày 10/02/2017;

36. Thông tư 35/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, có hiệu lực từ ngày 10/02/2017;

37. Thông tư 35/2016/TT-BCT quy định việc xác định người lao động nước ngoài di chuyển trong nội bộ doanh nghiệp thuộc phạm vi mười một ngành dịch vụ trong Biểu cam kết cụ thể về dịch vụ của Việt Nam với Tổ chức Thương mại thế giới không thuộc diện cấp giấy phép lao động do Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành, có hiệu lực từ ngày 10/02/2017;

38. Thông tư 35/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về báo cáo nghiệp vụ bưu chính, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

39. Thông tư 36/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc ban hành Quy định về trình tự, thủ tục thanh tra chuyên ngành Ngân hàng, có hiệu lực từ ngày 18/02/2017;

40. Thông tư 36/2016/TT-BNNPTNT của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc sửa đổi, bổ sung Điều 4 Thông tư 06/2016/TT-BNNPTNT ngày 31/05/2016 ban hành Danh mục, hàm lượng kháng sinh được phép sử dụng trong thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm với mục đích kích thích sinh trưởng tại Việt Nam, có hiệu lực từ ngày 08/02/2017;

41. Thông tư 36/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định dán nhãn năng lượng cho các phương tiện, thiết bị sử dụng năng lượng thuộc phạm vi quản lý của Bộ Công Thương, có hiệu lực từ ngày 10/02/2017;

42. Thông tư 38/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải quy định về giải quyết sự cố, tai nạn giao thông đường sắt, có hiệu lực từ ngày 01/02/2017;

43. Thông tư 38/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương về việc quy định mức tiêu hao năng lượng trong ngành nhựa, có hiệu lực từ ngày 10/02/2017;

44. Thông tư 38/2016/TT-NHNN của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về phương pháp tính và hạch toán thu, trả lãi trong hoạt động nhận tiền gửi và cho vay giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam với tổ chức tín dụng và các tổ chức khác, có hiệu lực từ ngày 15/02/2017;

45. Thông tư 38/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định chi tiết về việc cung cấp thông tin công cộng qua biên giới, có hiệu lực từ ngày 15/02/2017;

46. Thông tư 39/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung trong lĩnh vực viễn thông, có hiệu lực từ ngày 15/02/2017;

47. Thông tư 40/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về đào tạo, cấp, gia hạn, cấp lại, thu hồi chứng chỉ vô tuyến điện viên hàng hải, có hiệu lực từ ngày 14/02/2017;

48. Thông tư 40/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong điều kiện bình thường, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

49. Thông tư 41/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Quy trình kỹ thuật dự báo, cảnh báo hiện tượng khí tượng thủy văn nguy hiểm, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

50. Thông tư 42/2016/TT-BLĐTBXH quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đã đóng bảo hiểm xã hội do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, có hiệu lực vào ngày 11/02/2017;

51. Thông tư 43/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Danh mục sản phẩm nội dung thông tin số, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

52. Thông tư 43/2016/TT-BCT của Bộ Công Thương quy định về cam kết phát triển dự án và cơ chế xử lý các dự án nhà máy điện không thực hiện đúng tiến độ cam kết, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

53. Thông tư 43/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho đối tượng quy định tại Điều 14 Nghị định 61/2015/NĐ-CP về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, có hiệu lực vào ngày 12/02/2017;

54. Thông tư 44/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư 27/2010/TT-BTTTT ngày 24/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Quy hoạch băng tần 2500-2690 MHz cho hệ thống thông tin di động IMT của Việt Nam, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

55. Thông tư 45/2016/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ đầu tư phát triển địa phương do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

56. Thông tư 45/2016/TT-BYT Danh mục thuốc dùng cho người và mỹ phẩm nhập khẩu vào Việt Nam đã được xác định mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất, nhập khẩu và Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành, có hiệu lực vào ngày 06/02/2017;

57. Thông tư 46/2016/TT-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải về việc quy định cấp kỹ thuật đường thủy nội địa, có hiệu lực vào ngày 01/02/2017;

58. Thông tư 46/2016/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc quy định danh mục thiết bị vô tuyến điện được miễn giấy

phép sử dụng tần số vô tuyến điện, điều kiện kỹ thuật và khai thác kèm theo, có hiệu lực vào ngày 14/02/2017;

59. Thông tư 47/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc ban hành Định mức kinh tế - kỹ thuật lưới trọng lực quốc gia, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

60. Thông tư 49/2016/TT-BTTTT hướng dẫn về hồ sơ, thủ tục cấp, đổi, cấp lại và thu hồi thẻ nhà báo do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

61. Thông tư 52/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc quy định quy trình công nghệ và định mức kinh tế - kỹ thuật thu nhận và xử lý ảnh VNREDSat-1, có hiệu lực vào ngày 16/02/2017;

62. Thông tư 53/2016/TT-BCA của Bộ Công an về việc quy định cách thức thực hiện khai báo, tiếp nhận thông tin tạm trú của người nước ngoài tại Việt Nam, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

63. Thông tư 220/2016/TT-BQP quy định hạ sĩ quan, binh sĩ có trình độ chuyên môn, kỹ thuật khi thực hiện nghĩa vụ quân sự được ưu tiên sử dụng vào vị trí công tác phù hợp với nhu cầu của Quân đội do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng ban hành, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

64. Thông tư 328/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thu và quản lý các khoản thu ngân sách Nhà nước qua Kho bạc Nhà nước, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

65. Thông tư 330/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn lập dự toán, cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước để bảo vệ diện tích rừng tự nhiên của các công ty lâm nghiệp phải tạm dừng khai thác theo Quyết định 2242/QĐ-TTg ngày 11/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ, có hiệu lực vào ngày 08/02/2017;

66. Thông tư 331/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 256/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý lệ phí cấp căn cước công dân do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

67. Thông tư 332/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 76/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 45/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền sử dụng đất, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

68. Thông tư 333/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 77/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị định 46/2014/NĐ-CP quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước, có hiệu lực vào ngày 10/02/2017;

69. Thông tư 335/2016/TT-BTC quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí đấu giá tài sản, phí tham gia đấu giá tài sản do Bộ trưởng Bộ Tài chính, có hiệu lực vào ngày 12/02/2017;

70. Thông tư 339/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí đảm bảo hoạt động của Ban Chỉ đạo chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả, có hiệu lực vào ngày 15/02/2017;

71. Thông tư 340/2016/TT-BTC hướng dẫn về mức hỗ trợ và cơ chế tài chính hỗ trợ bồi dưỡng nguồn nhân lực của hợp tác xã, thành lập mới hợp tác xã, tổ chức lại hoạt động của hợp tác xã theo Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020 do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành, có hiệu lực vào ngày 12/02/2017;

72. Thông tư 341/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc quy định tiêu chuẩn, định mức, chế độ quản lý, sử dụng máy móc, thiết bị của Cơ quan Việt Nam ở nước ngoài, có hiệu lực vào ngày 12/02/2017.

Nội dung của Bản tin này không phải là tư vấn pháp lý và cũng không thể hiện ý kiến của chúng tôi hoặc của bất cứ luật sư hay chuyên gia tư vấn nào của chúng tôi. Bản tin này cung cấp các thông tin chung và những thông tin này có thể không chính xác, đầy đủ hoặc cập nhật tại thời điểm được đọc. Nội dung này cũng không nhằm sử dụng như phần hỗ trợ thêm cho các ý kiến tư vấn và quan điểm pháp lý của chúng tôi. Vui lòng tìm kiếm các ý kiến tư vấn pháp lý hoặc tư vấn chuyên nghiệp khác phù hợp với những vấn đề mà bạn gặp phải. Chúng tôi tuyên bố rõ ràng là sẽ không chịu trách nhiệm về những hành động hoặc không hành động dựa trên bất kỳ hoặc toàn bộ nội dung của Bản tin này.

Hì vọng chúng tôi sẽ cung cấp cho độc giả những thông tin hữu ích liên quan đến các quy định pháp luật mới ban hành thông qua bản tin lần này và hoan nghênh mọi phản hồi hoặc thắc mắc của Quý khách hàng. Mọi nhận xét của Quý khách xin vui lòng gửi về địa chỉ info@luatsuhcm.com.

Trong trường hợp Quý khách hàng muốn tìm hiểu các bản tin khác của chúng tôi, xin vui lòng truy cập mục Bản tin pháp luật trên trang thông tin điện tử của chúng tôi: www.luatsuhcm.com.